

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
GSM's Resolution in 2011

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp 2005 của nước CHXHCN Việt Nam
Pursuant to Enterprises law 2005;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán 2006 của nước CHXHCN Việt Nam
Pursuant to Securities law 2006;*
- *Căn cứ Điều lệ CTCP Dệt may ĐT – TM Thành Công
Based on Charter of Thanh Cong Textile Garment Investment Trading JS. Co.;*
- *Căn cứ kết quả biểu quyết các vấn đề đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2010
thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2011
Based on voting results approved by GSM on Apr 29th, 2011;*

QUYẾT NGHỊ / Resolve

Điều 1. Thông qua các báo cáo và tờ trình (đính kèm tài liệu ĐHCĐ)

Article 1. *To adopt the reports and proposal in GSM (according to materials of GSM enclosed)*

I. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2010 và Kế hoạch năm 2011 với các nội dung chính như sau/ To adopt report of 2010 performance and 2011 plan with brief following contents:

1. Kết quả hoạt động năm 2010/2010 Performance

- Doanh thu thuần: 1.892.738.683.616 VNĐ đạt 145,69 % so với kế hoạch năm 2010.
Net revenue VND 1,892,738,683,616 was reached 145.69 % compared with the plan 2010.
- Lợi nhuận sau thuế: 198.462.191.374 VNĐ đạt 182,62% so với kế hoạch 2010
The profit after tax VND 198,462,191,374 was reached 182.62 % compared with the plan 2010
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ 199.587.769.274 VNĐ đạt 183,66 % so với kế hoạch 2010
Profit after tax of the parent company VND 199,587,769,274 was reached 183,66 % compared with the plan 2010

Kết quả thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ 2010/Performance of Company activities according to GSM's Resolution 2010:

(Đvt: Vnd)/(Unit: VND)

STT No	Chỉ tiêu Item	Thực hiện năm 2010 Performance	Kế hoạch năm 2010 Plan	Thực tế so với kế hoạch Comparison
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net sales</i>	1.892.738.683.616	1.299.130.200.000	145,69%
2	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Operating Profit</i>	214.523.911.060	189.216.324.808	113,37%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN <i>Total profit before tax</i>	227.650.562.878	124.198.931.776	183,30%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN/ <i>Total profit after tax</i>	198.462.191.374	108.674.065.304	182.62%
5	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ/ <i>Total profit after tax of mother company</i>	199.587.769.274	108.674.065.304	183.66%

2. Kế hoạch năm 2011/2011 Plan

- Doanh thu: 2,350 tỷ đồng (tăng 25% so với kết quả năm 2010)
Revenue: 2,350 billion dong (increase by 25% in comparision with 2010)
- Lợi nhuận sau thuế: 142 tỷ đồng (tăng 12.5% so với kết quả năm 2010)
Profit after tax: 142 billion dong (increase by 12.5% in comparision with 2010)

II. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2010

To adopt Financial Statement in the fiscal year 2010.

Trong đó bao gồm thông qua trình bày lại báo cáo tài chính 2009 như sau:

Accordingly, including to adopt restate Financial Statement 2009 as follows:

- Theo luật lao động Việt nam, khoản trợ cấp thôi việc được tính trên cơ sở nửa tháng lương cho mỗi năm người lao động làm việc cho Công ty tính đến 31/12/2008. Để phản ánh đúng nghĩa vụ phải trả cho người lao động, cho nên công ty đã thay đổi chính sách trích dự phòng trợ cấp thôi việc từ lợi nhuận giữ lại
- *According the labour code, termination allowance is calculated on half of salary of employees who worked in Company until 31/12/2008. To affect the payable obligation of employer, Company has changed the provision policy for termination allowance that was extracted from retain earnings*
- Trong năm 2009, công ty đã căn cứ thông tư 201/2009/TT-BTC để ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ vào tài khoản vốn chủ sở hữu, mã số 416 trên bảng cân đối kế toán. Theo công văn số

16522/BTC-CDKT ngày 3/12/2010 của Bộ tài chính, Công ty quyết định thay đổi chính sách kế toán theo VAS số 10- Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái

- *According to the circular No. 201/2009/TT-BTC, exchange rate different of current asset and current liabilities are record into the code No. 416 in the Balance sheet. However, according the official letter No. 16522/BTC-CDKT dated 3/12/2010 of MoF, Company has decided to change the accounting policy under the VAS No. 10 – "Affecting the exchange rate"*

III. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2011

To adopt Profit Distribution , dividend plan in 2011

Stt	Khoản mục- Items	Giá trị - Value(VNĐ)	Tỷ lệ trích-Ratio
I	Lợi nhuận phân phối <i>Retained Profit</i>	112.704.070.166	
II	Trích lập quỹ <i>Fund Extraction</i>	45.081.628.066	40 %
1	Quỹ dự phòng tài chính <i>Reserved financial Fund</i>	11.270.407.017	10 %
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi <i>Welfare and Bonus fund</i>	11.270.407.017	10 %
3	Quỹ đầu tư phát triển <i>Investment and development fund</i>	16.905.610.525	15 %
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ <i>Additional reserve fund of charter capital</i>	5.635.203.507	5 %
III	Cổ tức được chia <i>Distribution of dividend</i>	67.622.442.100	60 %
IV	Tỷ lệ cổ tức dự kiến chia /Vốn điều lệ <i>Estimated ratio dividend/Charter capital</i>	15 %	

- Dự kiến vốn điều lệ đến 31/12/2011: 447.374.860.000 đồng.
Estimated Charter capital until 31/12/2011: 447.374.860.000 đồng.
- Hình thức chi trả cổ tức: Dự kiến năm 2011 Công Ty chia cổ tức với hình thức tiền mặt. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định cơ cấu, cách thức thanh toán căn cứ vào tình hình thực tế.
Payment method: in 2011, estimated dividend will be paid in Cash. GSM authorize BoD to decide organization, time of payment based on the real status

IV. Thông qua Báo cáo BKS về hoạt động Công ty năm 2010

To adopt the Report of IC regarding Company activities in 2010.

V. Ủy quyền cho HĐQT được lựa chọn 1 trong 3 công ty kiểm toán sau để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011

To Authorize BoD to select one of three following auditors for Financial Statement in the year 2011.

- Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC)

- Công ty Kiểm toán Ernst & Young
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

VI. Thông qua Báo cáo việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2010 tăng vốn điều lệ

To adopt Report of performance bonus share issuance in 2010 to increase charter capital

VII. Thông qua Báo cáo thanh toán thù lao HĐQT, BKS 2010 và phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2011

To adopt Report of BoD, IC's compensation payment in 2010 and Plan for compensation of BoD, IC in 2011.

VIII. Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2011 - 2016 là 7 (bảy) thành viên, trong đó có ít nhất 2 (hai) thành viên độc lập không điều hành.

To adopt the number of BoD's member in the tenure 2011 – 2016 to be 7 (seven) members, at least 2 (two) members are non-executive independent member

XI. Thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2011 - 2016 là 3 (ba) thành viên.

To adopt the number of IC's member in the tenure 2011 – 2016 to be 3 (three) members

XII. Thông qua kết quả bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2011 – 2016 gồm 7 thành viên như sau:

To adopt BoD election result for tenure 2011 – 2016 including 7 members as follows:

1. Ông Lee Eun Hong
2. Ông Kim Jung Heon
3. Bà Phan Thị Huệ
4. Ông Kim Soung Gyu
5. Ông Trần Như Tùng
6. Bà Nguyễn Minh Hào
7. Ông Vũ Đình Độ

XIII. Thông qua kết quả bầu cử BKS nhiệm kỳ 2011 – 2016 gồm 3 thành viên như sau:

To adopt IC election result for tenure 2011 – 2016 including 3 members as follows:

1. Ông Nguyễn Tự Lực
2. Bà Đinh Thị Thu Hằng
3. Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Điều 2. Tổ chức thi hành

Article 2. *Implementation*

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội Đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty, các cổ đông có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

This Resolution is valid from signing date. The BoD, IC, shareholders have responsibility to execute this Resolution

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG / *On behalf of GSM*
CHỦ TỌA / *Chairman of Meeting*

KIM JUNG HEON

Nơi nhận:

- Các cổ đông, HĐQT, BKS.
- Lưu: công ty